

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2597** /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 02 tháng 10 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Trung tâm thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000

SỞ XÂY DỰNG BÌNH THUẬN  
Số: 6215  
ĐẾN Ngày: 13/10/15  
Chuyên: ĐHKY  
Giải quyết xong trước ngày

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Scan: BGD

QLXD, KTH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 08/02/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/8/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1480/QĐ/CT-UBND ngày 14/6/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh;

Căn cứ Quyết định số 3038/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung Trung tâm thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2346/TTr-SXD kèm theo kết quả thẩm định số 2345/TĐ-SXD cùng ngày 17/9/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Trung tâm thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu như sau:

### 1. Phạm vi ranh giới nghiên cứu, lập quy hoạch:

Gồm Trung tâm thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh và khu vực hai bên tỉnh lộ ĐT.720, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp : Đất dân cư, đất ruộng lúa;
- Phía Tây giáp : Đất của dân;
- Phía Nam giáp : Đất dân cư, đất ruộng lúa;
- Phía Bắc giáp : Đất dân cư, đất ruộng lúa.

Quy mô diện tích: Khoảng 284,66 ha, bao gồm:

- Diện tích quy hoạch đã phê duyệt: Khoảng 212,63 ha;
- Diện tích mở rộng: Khoảng 72,03 ha.

2. **Tính chất:** Là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của huyện Tánh Linh.

### 3. Quy mô dân số:

- Dự báo đến năm 2020: 10.275 người;
- Dự báo đến năm 2030: 11.350 người.

### 4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

#### 4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Đất đơn vị ở : 54 - 68 m<sup>2</sup>/người;
- Đất công trình công cộng : 4 - 6 m<sup>2</sup>/người;
- Đất giao thông nội thị. : 12 m<sup>2</sup>/người;
- Đất cây xanh công cộng : 12 m<sup>2</sup>/người.

#### 4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Tiêu chuẩn cấp nước : 100 lít/người/ngày;
- Tiêu chuẩn thoát nước : 80% lượng nước cấp;
- Tiêu chuẩn cấp điện : 1000 Kwh/người/năm;
- Chỉ tiêu rác thải : 0,8 kg/người/ngày.

### 5. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Quy mô (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>		<b>196,17</b>	<b>68,92</b>
1	Đất ở	A	84,43	29,66
	- Đất ở hiện hữu chính trang	A1	24,43	8,58
	- Đất ở kết hợp Thương mại dịch vụ	A2	2,90	1,02
	- Đất ở mới mật độ cao	A3	29,33	10,30
	- Đất ở mới mật độ thấp	A4	27,77	9,76



2	Đất công trình công cộng		33,43	11,75
	- Đất hành chính, trụ sở cơ quan	B	7,56	2,66
	- Đất giáo dục	C	15,07	5,29
	- Đất văn hoá	D	2,19	0,77
	- Đất y tế	E	3,75	1,32
	- Đất Thể dục thể thao	G	4,86	1,71
3	Đất cây xanh công viên, quảng trường	H	15,54	5,46
	- Đất cây xanh cảnh quan	H1	10,20	3,58
	- Đất công viên cây xanh văn hoá – thể dục thể thao	H2	2,61	0,92
	- Đất quảng trường	H3	2,73	0,96
4	Đất thương mại dịch vụ	I	6,17	2,17
5	Đất hỗn hợp	K	4,56	1,60
6	Đất công trình công cộng dự phòng	L	2,98	1,05
7	Đất giao thông đối nội		49,06	17,23
<b>II</b>	<b>Đất ngoài khu dân dụng</b>		<b>69,02</b>	<b>24,24</b>
1	Đất giao thông đối ngoại		23,32	8,19
2	Đất bến, bãi xe	M	2,51	0,88
3	Đất dự trữ phát triển	N	43,19	15,17
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>	<b>O</b>	<b>19,47</b>	<b>6,84</b>
1	Đất tôn giáo	O1	1,83	0,64
2	Đất an ninh quốc phòng	O2	3,06	1,08
3	Đất mặt nước	O3	8,23	2,89
4	Đất cây xanh cách ly	O4	6,35	2,23
<b>Tổng cộng</b>			<b>284,66</b>	<b>100,00</b>

#### 6. Phân khu chức năng sử dụng đất:

a) Khu hành chính, trụ sở cơ quan (diện tích 7,56 ha): Cải tạo, chỉnh trang khu hành chính, cơ quan, trụ sở như: Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, thị trấn, trụ sở các phòng, ban; quy hoạch mới: Toà án huyện, hội trường huyện và bố trí quỹ đất dự phòng.

b) Đất thương mại – dịch vụ (diện tích 6,17 ha): Bố trí tại khu vực trung tâm, là động lực phát triển của khu vực với các loại hình dịch vụ thương mại, bao gồm:

- Các công trình hiện hữu: Chợ Lạc Tánh, trạm xăng, quy hoạch mở rộng chợ khu vực (chợ chiều);

- Quy hoạch mới: Chợ đầu mối bố trí tại cửa ngõ phía Nam đô thị (trục đường ĐT.720 và Quốc lộ 55); khu thương mại dịch vụ tại khu vực trung tâm đô thị (trục đường 25/12 và đường Nguyễn Huệ); khu thương mại dịch vụ tập trung dọc trục đường chính đô thị và siêu thị bố trí phía sau bến xe cũ.

c) Khu giáo dục – y tế – văn hoá – thể dục thể thao:



- Đất giáo dục với diện tích 15,07 ha, bao gồm: Các công trình hiện hữu (Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề, trường trung học phổ thông...), bố trí thêm trường bồi dưỡng chính trị, trường tiểu học;

- Đất y tế với diện tích 3,75 ha, bao gồm: Các công trình hiện hữu (bệnh viện huyện, trung tâm y tế, trạm y tế hiện hữu), bố trí thêm quỹ đất đầu tư xây dựng bệnh viện xã hội hoá;

- Đất văn hoá với diện tích 2,19 ha, bao gồm: Nhà văn hóa huyện, nhà văn hoá thiếu nhi, nhà văn hóa khu phố;

- Trung tâm thể dục thể thao với diện tích 4,86 ha, bao gồm: Các công trình hiện hữu của dự án khu liên hợp thể dục thể thao (nhà tập luyện, hồ bơi...), quy hoạch bố trí mới sân vận động cấp đô thị gần quảng trường trung tâm;

- Khu công viên cây xanh với diện tích 12,81 ha, bao gồm: Đất cây xanh cảnh quan cấp vùng được bố trí phía Đông khu quy hoạch dọc ven sông Cát và nhánh suối; đất công viên văn hoá kết hợp vui chơi giải trí, thể dục thể thao và công viên cấp khu ở bố trí tại trung tâm các khu ở.

d) Quảng trường (diện tích 2,73 ha): Bao gồm quảng trường chính trị trước trung tâm hành chính huyện và quảng trường trung tâm tại khu trung tâm văn hoá – thể dục thể thao - thương mại dịch vụ.

e) Các khu ở (diện tích 84,43 ha):

- Khu ở hiện hữu chỉnh trang (diện tích 24,43 ha): Dọc các trục giao thông chính hiện hữu của đô thị như trục ĐT.720, đường 25/12;

- Khu ở kết hợp thương mại dịch vụ (diện tích 2,9 ha): Bố trí dọc theo các trục đường chính tạo thành các khu phố thương mại;

- Khu ở mật độ cao với (diện tích 29,33 ha): Bố trí ở khu vực trung tâm, nhằm tận dụng tốt quỹ đất có giá trị quy hoạch không gian ở tập trung tạo sự khang trang cho đô thị;

- Khu ở mật độ thấp với (diện tích 27,77 ha): Bố trí biệt thự, nhà vườn.

## **7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:**

a) Các khu vực cửa ngõ:

- Phía Đông: Là cửa ngõ vào đô thị từ đường 25/12 và Quốc lộ 55, tổ chức khu đô thị hiện hữu chỉnh trang với các khu vực trung tâm y tế, thương mại dịch vụ,...

- Phía Nam: Là cửa ngõ vào đô thị từ đường ĐT.720 và Quốc lộ 55, tổ chức khu đô thị hiện hữu chỉnh trang với công trình điểm nhấn là cổng chào, bến xe, chợ đầu mối,...

- Phía Bắc: Là cửa ngõ vào đô thị từ đường ĐT.720, tổ chức khu đô thị hiện hữu chỉnh trang, quy hoạch bố trí Trung tâm giáo dục đào tạo.

b) Các trục không gian chủ đạo:



- Không gian cảnh quan đường N26 (khu vực trung tâm): Là trục cảnh quan chính, bố trí các công trình công cộng, trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao, tạo điểm nhấn cho khu vực và cho toàn đô thị; tầng cao tối thiểu toàn khu là 02 tầng;

- Không gian cảnh quan ven sông: Tạo cảnh quan hai bên bờ sông Cát với kè, công viên cây xanh, đường dạo; hai bên bờ sông bố trí các dạng nhà vườn, biệt thự với mật độ xây dựng tối đa 50%, chiều cao tối đa 03 tầng.

c) Định hướng chung cho các khu chức năng:

- Đất trung tâm hành chính, trụ sở cơ quan: Mật độ xây dựng gộp tối đa 40%; chiều cao tối đa 05 tầng (không kể tầng hầm);

- Đất thương mại dịch vụ: Mật độ xây dựng gộp tối đa 70%; chiều cao tối thiểu 02 tầng, tối đa 30 tầng (không kể tầng hầm và tầng kỹ thuật);

- Đất giáo dục, y tế, văn hóa: Mật độ xây dựng gộp tối đa 40%; chiều cao tối đa 05 tầng (không kể tầng hầm);

- Đất thể dục thể thao: Mật độ xây dựng gộp tối đa 25%; chiều cao tối đa 03 tầng (không kể tầng hầm);

- Đất công viên cây xanh: Mật độ xây dựng gộp tối đa 5%; chiều cao tối đa 02 tầng;

- Đất ở:

+ Đất ở mật độ cao: Mật độ xây dựng gộp tối đa 80%; chiều cao tối đa 06 tầng (không kể tầng hầm);

+ Đất ở mật độ thấp: Mật độ xây dựng gộp tối đa 50%; chiều cao tối đa 06 tầng (không kể tầng hầm);

+ Đất ở kết hợp thương mại dịch vụ: Mật độ xây dựng gộp tối đa 70%; chiều cao tối đa 30 tầng (không kể tầng hầm và tầng kỹ thuật).

## **8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **8.1. San nền:**

- Hướng san nền: Theo hướng dốc tự nhiên, dốc về suối Cát và các kênh nước giữa khu quy hoạch;

- Cao độ nền xây dựng như sau:  $H_{xd} \geq +120.00$  m.

- Nguyên tắc san nền:

+ Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để san nền với khối lượng đào đắp ít nhất, tạo cảnh quan cho đô thị;

+ Cao độ nền thiết kế các khu vực mới gắn kết hài hoà với cao độ nền khu vực hiện có, đảm bảo cho việc thoát nước mưa tốt nhất; độ dốc nền thuận tiện cho giao thông đô thị;

+ Đối với khu vực ruộng trũng có độ dốc  $< 0,4\%$ : Khi xây dựng các công trình cần tôn nền theo  $H_{xd}$ , hướng dốc về các mương nước và suối Cát;



+ Đối với khu vực có độ dốc từ 0,4 – 3%: Khi xây dựng các công trình tiên hành san đắp nền theo Hxd không chế từng khu vực, hướng dốc san nền theo hướng dốc tự nhiên;

+ Đối với khu vực có độ dốc > 3%: Chủ yếu san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng, hướng dốc san nền theo hướng dốc tự nhiên.

### 8.2. Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước mưa theo hướng san nền;

- Hệ thống thoát nước mưa xây mới tách riêng với hệ thống thoát nước thải;

- Nguồn tiếp nhận thoát nước là sông, rạch tự nhiên và các mương đào trong khu vực;

- Bố trí các tuyến cống theo sự phân chia lưu vực và theo mạng lưới giao thông, đảm bảo thoát nước nhanh nhất, không gây ngập úng cục bộ;

- Dựa vào mạng lưới giao thông và độ dốc, hướng dốc san nền, bố trí hai bên đường các cống bê tông cốt thép có đường kính D400, 600, 800 thoát về tuyến cống thoát chính D1000, 1200, 1500 và cống hộp; bố trí các hố ga thu nước và lắng cặn có khoảng cách 25 m – 35 m. Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ và đồng bộ từ giếng thu nước, cống nối, giếng thăm, ga kỹ thuật (nếu cần) đến mạng lưới các tuyến cống thoát nước và cửa xả.

### 8.3. Giao thông:

a) Mạng lưới đường quy hoạch:

- Giao thông đối ngoại:

+ Quốc lộ 55 (tuyến tránh): Quy hoạch mới một tuyến đường tránh Quốc lộ 55 đi vòng qua khu trung tâm thị trấn; tuyến đường Quốc lộ 55 hiện hữu sẽ trở thành trục đường chính đô thị;

+ Tỉnh lộ ĐT.720: Đây là tuyến đường đối ngoại chính của thị trấn, đi xuyên qua khu trung tâm và nội thị trấn với các trung tâm huyện lỵ khác;

+ Các tuyến huyện lộ: Thác Bà, Lạc Hưng – Đồng Kho, Lạc Tánh – Đồng Me;

+ Đường liên xã Lạc Tánh - Gia Huynh: Nối từ tỉnh lộ ĐT.720 đến đường liên xã Gia An – Gia Huynh (xã Gia Huynh);

- Giao thông đối nội: Chia làm 03 loại đường: Đường trục chính đô thị và cảnh quan, đường khu vực, đường phân khu vực và đường song hành Quốc lộ 55.

*(Chi tiết theo bảng vẽ quy hoạch giao thông và bảng phụ lục đính kèm)*

b) Các công trình phục vụ giao thông:

- Bến xe: Quy hoạch mới 01 bến xe cho trung tâm huyện Tánh Linh thay thế bến xe cũ với diện tích 1,94 ha;

- Bãi đỗ xe:

+ Bãi đỗ xe số 1 (diện tích 2.820 m<sup>2</sup>): Tại đường Nguyễn Huệ và đường N26, phục vụ cho quảng trường trung tâm và khu trung tâm thương mại huyện;



+ Bãi đỗ xe số 2: Sử dụng lại bến xe huyện cũ (diện tích 2.700 m<sup>2</sup>), phục vụ đậu xe dân sinh và xe bus.

c) Chỉ giới xây dựng:

- Đối với kênh mương thủy lợi: Thực hiện theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

- Đối với các tuyến đường: Theo bảng vẽ quy hoạch giao thông và bảng phụ lục chi tiết hệ thống giao thông đính kèm. Riêng các công trình công cộng, thương mại dịch vụ trên các tuyến đường 25/12 (mặt cắt 2-2), Nguyễn Huệ (mặt cắt 2-2), N26 (mặt cắt 3-3), Trường Chinh (mặt cắt 4-4) có khoảng lùi xây dựng tối thiểu 6m so với chỉ giới đường đỏ.

8.4. Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Cấp nước:

- Nguồn cấp:

+ Nguồn 1: Nhà máy cấp nước thị trấn Lạc Tánh của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường Bình Thuận;

+ Nguồn 2: Nhà máy nước Đồng Kho, nhà máy nước Võ Xu;

- Nhu cầu sử dụng nước (đến năm 2030): Khoảng 2.323,9 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

- Mạng lưới đường ống:

+ Hệ thống mạng lưới hiện hữu của thị trấn được giữ lại, cải tạo; xây dựng mạng lưới cấp nước mới liên kết với hệ thống hiện hữu;

+ Ống cấp nước mới sử dụng vật liệu gang dẻo, đường kính D100 – D150;

- Cấp nước chữa cháy: Bố trí hòng cấp nước chữa cháy đường kính D100 chung với đường ống cấp nước sinh hoạt; các hòng cứu hỏa được đặt trên vỉa hè, cạnh các ngã ba, ngã tư.

b) Thoát nước thải:

- Lưu lượng: Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt là 90% tiêu chuẩn nước cấp;

- Đối với các khu vực cũ, sử dụng tuyến cống bao thu gom nước thải; đối với các khu vực mới, xây dựng các tuyến cống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa;

- Nước thải phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải; được thu gom và xử lý tại các trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại A theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tiếp nhận nước thải sau xử lý: Tuyến kênh nội đồng ở phía Bắc thị trấn;

- Trạm xử lý nước thải (diện tích 0,5 ha): Bố trí 01 trạm xử lý nước thải cách ranh quy hoạch tại điểm gần nhất là 1,5 km, cách khu vực trung tâm 3,7 km.

c) Vệ sinh môi trường:

- Xử lý rác và chất thải rắn:



+ Tổng khối lượng chất thải rắn (đến năm 2030): Khoảng 13,62 tấn;  
+ Tổ chức hệ thống thu gom rác: Rác được tập trung tại các thùng 0,33m<sup>3</sup> đặt ở góc đường trong khu dân cư, công trình công cộng, các trung tâm thương mại, dịch vụ; được thu gom bằng các xe chuyên dùng sau đó được đưa về bãi xử lý rác của thị trấn Lạc Tánh;

- Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang thị trấn Lạc tánh (cách ranh quy hoạch khoảng 3,7 km) và nghĩa trang của người Chăm với diện tích 3,0 ha (cách ranh quy hoạch khoảng 700 m).

d) Cấp điện:

- Tổng công suất (đến năm 2030): 6.502 KVA;

- Nguồn cấp: Sử dụng nguồn điện Quốc gia thuộc tuyến trung áp 22 kV từ trạm Tánh Linh;

- Lưới điện:

+ Lưới phân phối 22 kV: Các tuyến trung thế hiện hữu được giữ lại, đảm bảo đủ khả năng truyền tải cấp nguồn cho các trạm biến áp; về lâu dài sẽ cải tạo và thay thế đường dây và nâng công suất truyền tải;

+ Các tuyến 12,7 - 22 kV xây dựng mới hoặc cải tạo là đường dây nổi, dùng cáp nhôm lõi thép AC- 185 mm<sup>2</sup> - 240 mm<sup>2</sup> đối với đường trục chính, AC- 95 mm<sup>2</sup> - 120 mm<sup>2</sup> đối với nhánh rẽ, các nhánh phụ sử dụng cáp AC-70, AC-50 mm<sup>2</sup>;

+ Lưới hạ áp 0,4kV: Các tuyến hiện hữu được bảo dưỡng, cải tạo; các tuyến xây dựng mới đi nổi dùng cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC), cáp nhôm AV, cáp đồng CV; về lâu dài sẽ thay thế dần bằng cáp ngầm hạ thế (cáp XLPE-0.6/1kV) nhằm tạo mỹ quan đô thị;

+ Lưới chiếu sáng: Bảo đảm mỹ quan đô thị, mức độ chiếu sáng theo tiêu chuẩn quy định, lựa chọn đèn hiệu suất cao và tiết kiệm điện; chiếu sáng các trục đường chính, sử dụng đèn sodium cao áp có công suất 250 w, các trục đường nhánh, sử dụng đèn sodium thấp áp có công suất 150 w.

8.5. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Nhu cầu (đến năm 2030): Khoảng 3.138 thuê bao;

- Nguồn cấp: Trạm bưu điện hiện hữu (Bưu Điện thị trấn Lạc Tánh);

- Mạng lưới: Các đường cáp viễn thông, đường dây thuê bao, các đường truyền hình cáp được kết hợp đi dọc các tuyến giao thông, kết hợp thi công hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; các tuyến cáp treo hiện hữu trong tương lai sẽ được ngầm hóa.

**9. Đánh giá môi trường chiến lược:**

9.1. Dự báo các diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch:

- Môi trường không khí: Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí từ các hoạt động giao thông, hoạt động nấu ăn, hệ thống dẫn nước thải và trạm xử lý nước thải;



- Môi trường nước: Nước thải từ khu quy hoạch với hàm lượng các chất hữu cơ cao, dễ bị phân hủy sinh học (như carbohydrat, protein, mỡ,...), các chất dinh dưỡng (phosphat, nitơ), vi trùng, chất rắn và mùi. Nước thải sinh hoạt từ khu vực sẽ được xử lý tại trạm xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Dự báo chất thải rắn: Các hoạt động xây dựng, sinh hoạt, du lịch, thương mại... làm phát sinh lượng chất thải rắn;

- Tiếng ồn: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải; hoạt động vui chơi giải trí của một số nhà hàng ăn uống, karaoke; từ các hoạt động xây dựng, sản xuất công nghiệp.

## 9.2. Các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường:

### a) Quản lý nguồn nước thải phát sinh trong khu vực:

- Quản lý tốt các nguồn phát sinh nước thải lớn từ khu vệ sinh tập trung, nước thải các khách sạn..., bảo đảm tất cả các loại nước thải được xử lý tốt trước khi thải vào môi trường nước mặt xung quanh; thu gom, tận dụng nước thải sau khi xử lý để chăm sóc hệ thống cây xanh, thảm thực vật và việc rửa đường giao thông;

- Xây dựng trạm xử lý nước thải theo công nghệ hóa – sinh đồng bộ để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các khu dân cư.

c) Quản lý các nguồn gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn: Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của đô thị; quản lý tốt các hoạt động giao thông đường bộ.

### d) Môi trường đất và hệ sinh thái:

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải và các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt Quy chuẩn hiện hành cho các khu vực giải trí tập trung và khu dân cư;

- Tận dụng thảm thực vật có sẵn, hạn chế việc thay thế thảm thực vật mới trên nền thực vật bản địa; sử dụng cây xanh vừa làm tăng cảnh quan các khu công viên, khu dân cư vừa có tác dụng hạn chế tiếng ồn, khí độc hại từ các hoạt động giao thông;

- Sử dụng các xe phun nước trên đường nhằm làm sạch bụi trên các tuyến giao thông nội bộ tập trung đông người.

### e) Quản lý chất thải rắn:

- Bố trí đầy đủ hệ thống các thùng rác công cộng và nhà vệ sinh di động,...;

- Chất thải rắn sau khi được thu gom, phân loại, đưa qua trạm trung chuyển và tập trung về khu xử lý chung;

- Tái sử dụng bùn cặn làm phân bón cho hệ thực vật.

## 10. Những hạng mục ưu tiên phát triển và nguồn lực thực hiện:

10.1. Các chương trình, mục tiêu cải tạo và xây dựng: Trên nguyên tắc phát triển song song các công trình công cộng, thương mại dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật theo các thứ tự ưu tiên như sau:



a) Các khu chức năng:

- Xây dựng các công trình công cộng cần thiết như: Nhà tập luyện đa năng, nhà văn hoá thiếu nhi, nhà văn hoá huyện, trung tâm thể dục thể thao, sân vận động huyện, quảng trường trung tâm, trung tâm bồi dưỡng chính trị, hội trường, nghĩa trang liệt sỹ, các công trình giáo dục, y tế,...

- Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ sau bến xe cũ; mở rộng, nâng cấp chợ Lạc Tánh; chợ đầu mối ở phía Nam,...

- Tạo các khu đất ở mới có giá trị để bán đấu giá tạo kinh phí cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

- Đầu tư xây dựng một số công trình cấp thiết phục vụ nhu cầu người dân trong các khu ở như: Xây dựng cải tạo chợ chiều thành chợ khu vực; ở khu phố Chăm: cải tạo nhà văn hoá Chăm kết hợp trường mẫu giáo hiện hữu thành nhà văn hoá khu ở, đầu tư xây dựng trường tiểu học mới.

b) Hệ thống giao thông:

- Xây dựng mới các tuyến đường trục chính đô thị và đường chính khu vực để định hình khu trung tâm đô thị và tạo quỹ đất dành cho các khu dân cư mới: Đường N25, N26, huyện lộ Lạc Tánh – Đồng Me, huyện lộ Lạc Tánh – Gia Huynh, Trường Chinh (nối dài) và đường Nguyễn Huệ;

- Xây dựng các tuyến đường khu vực để tạo quỹ đất bố trí các công trình công cộng, thương mại dịch vụ kêu gọi các nhà đầu tư: Đường số 7, 25/12 (nối dài), N29, N30, D1, D28, D30 và D32;

- Xây dựng mới các tuyến đường phân khu vực trong các khu dân cư mới và nâng cấp, mở rộng các tuyến đường hiện hữu trong khu dân cư;

- Đầu tư các công trình đầu mối giao thông: Bến xe mới của huyện; cải tạo bến xe cũ thành bến xe bus và bãi đậu xe; xây dựng bãi đậu xe ở trung tâm hành chính (đối diện quảng trường).

10.2. Hình thức và nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách nhà nước, vốn các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Vốn vay ưu đãi;

- Xã hội hóa nguồn vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, thương mại dịch vụ, mở rộng ngành nghề và trao đổi hàng hoá... Huy động sức dân tham gia xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và phúc lợi công cộng theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh lập, trình phê duyệt quy định quản lý xây dựng theo Quy hoạch chung được phê duyệt;



- Chịu trách nhiệm kiểm tra và xác nhận hồ sơ thiết kế quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

2. Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và chỉ đạo các phòng, ban tổ chức thực hiện một số công việc sau:

- Triển khai công bố công khai đề án Quy hoạch được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố thực hiện theo quy định;

- Tổ chức cắm mốc và quản lý mốc giới theo Quy hoạch được phê duyệt; trình tự và nội dung cắm mốc giới thực hiện theo quy định;

- Thực hiện các nội dung theo Quy hoạch được phê duyệt; quản lý chặt chẽ việc thực hiện đầu tư xây dựng và xử lý các trường hợp xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Lạc Tánh và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu VT, ĐTQH XD. Thiện(18b).

**CHỦ TỊCH**  
  
**Lê Tiến Phương**